TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 7 – 2024
"V/v: Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang và bà Bùi Thị Thêm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/4/2024 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H B, sinh năm 1996. Địa chỉ: Buôn M, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Y S, sinh năm 1993. Địa chỉ: Buôn M, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Y L, sinh năm 1982. Địa chỉ: Buôn M, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà H B trình bày:*

Bà H B và ông Y S đăng ký kết hôn vào ngày 23/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, tư tưởng không ổn định. Ông Y S không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Hiện tại

tình cảm vợ chồng giữa bà H B và ông Y S không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H B và ông Y S được ly hôn với nhau.

Bà H B và ông Y S có 03 con chung tên là H D, sinh ngày 12/01/2013; H D1, sinh ngày 12/11/2014; Y G, sinh ngày 15/02/2017. Hiện tại các con đang sống chung với bà H B. Sau khi ly hôn, bà H B xin nhận quyền nuôi 03 con đến khi đủ 18 tuổi. Bà H B yêu cầu ông Y S phải cấp dưỡng 500.000 đồng/con/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình tố tụng, bị đơn ông Y S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, ông Y S đã biết Tòa án thụ lý giải quyết vụ án nhưng cố tình trốn tránh, vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

** Người làm chứng ông Y L trình bày:* ông Y L và vợ chồng ông Y S, bà H B là hàng xóm, sinh sống gần nhà của nhau. Trong thời gian chung sống vợ chồng ông Y S, bà H B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Y S đi làm về hay uống rượu quậy phá, đánh đập, đuổi bà H B và các con ra khỏi nhà. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ sau khi kết hôn đến nay. Do bị đánh đập, chửi mắng nhiều nên bà H B và các con đã chuyển về nhà ngoại (Bố mẹ đẻ của bà H B) để sinh sống, hiện nay các con đều do bà H B nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Y S vẫn không quan tâm chăm sóc vợ và các con.

****** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, có cơ sở nên cần chấp nhận, đề nghị Tòa án xử cho ông Y S, bà H B Niê được ly hôn với nhau; Về con chung và cấp dưỡng: giao cho bà H B nuôi con H D; H D1; Y G đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Y S phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng cho bà H B Niê là 500.000 đồng/con/tháng.

Về án phí: Ông Y S, bà H B Niê là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà H B, Tòa án nhân dân huyện M xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại buôn M, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc đăng ký kết hôn giữa bà H B và ông Y S vào ngày 23/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện M trên tinh thần tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Quá trình sống chung, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Ông Y S hay uống rượu quậy phá, đánh đập, đuổi bà H B và các con ra khỏi nhà. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ sau khi kết hôn đến nay nên bà H B và các con đã chuyển về nhà gia đình bên ngoại để sinh sống, xét thấy tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H B Niê là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho bà H B được ly hôn với ông Y S.

[3] Về con chung: Bà H B và ông Y S có 03 con chung gồm: H D, sinh ngày 12/01/2013; H D1, sinh ngày 12/11/2014; Y G, sinh ngày 15/02/2017. Hiện nay con đang sống chung với mẹ. Các con có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ vì mẹ thương yêu, quan tâm và chăm sóc tốt hơn bố. Để bảo đảm quyền lợi cho các con, HĐXX cần tiếp tục giao con cho H B Niê nuôi dưỡng và chăm sóc sau khi vợ chồng ly hôn.

[4] Về cấp dưỡng: Qua xác minh thu nhập tại địa phương cũng như xem xét điều kiện thực tế thu nhập của bị đơn, nghề nghiệp chính của bị đơn là công nhân xây dựng dân dụng, có công việc và thu nhập tương đối ổn định. Do đó, yêu cầu của bà H B đối với ông Y S về tiền cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/tháng/con là phù hợp và trong khả năng của ông Y S, nên HĐXX cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà H B được ly hôn với ông Y S.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Giao cho bà H B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con: H D, sinh ngày 12/01/2013; H D1, sinh ngày 12/11/2014; Y G, sinh ngày 15/02/2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Ông Y S phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà H B: Tiền nuôi con được cấp dưỡng hàng tháng mỗi tháng 500.000 đồng/con. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/8/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã E;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Võ Đức Hợi